TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-10-2019

"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Bùi Xuân Huy.

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 25, thôn HC, xã CB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 25, thôn HC, xã CB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Trần Tuấn M, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 25, thôn HC, xã CB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 25, thôn HC, xã CB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Chị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Th trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị Th và anh M đi đến tổ chức đám cưới vào năm 1999. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã XB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát nhiều sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó anh M hay đánh đập vợ và con, nhục mạ chị Th. Để đảm bảo cuộc sống gia đình được đoàn tụ hạnh phúc chị Th đã nhiều lần khuyên ngăn chồng nhưng không đạt kết quả. Do anh M không thay đổi tính tình nên gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã, và không thể hòa hợp được nên đã làm ảnh hưởng đến việc học hành của các con. Hiện nay cuộc sống vợ chồng đã bế tắc không còn hạnh phúc. Nay chị Th nhận thấy mâu thuẫn không cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh Th yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tuấn M.

Về nuôi con chung: Chị Th và anh M có 02 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 17-11-1999; Trần Lê Kim A, sinh năm 28/02/2003. Hiện cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Kim A và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Tuấn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Chị Th và anh M có 02 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 17-11-1999; Trần Lê Kim A, sinh năm 28/02/2003. Cháu H đã trưởng thành, giao cháu Trần Lê Kim A cho chị Th nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Th và anh M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị Th yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh M là xã CB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh M trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 10 năm 2001 tại UBND xã XB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Th nguyên nhân mâu thuẫn do anh M có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác từ đó thường xuyên về nhà gây gỗ đánh đập vợ con. Mặc dù vậy chị Th vẫn thường xuyên khuyên nhủ anh M để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình nhưng anh M không thay đổi. Do vậy cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn cãi vã làm ảnh hưởng đến tâm lý và việc học hành của các con. Nay chị Th xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị Th, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh M để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh M vẫn cố tình không đến chứng tỏ anh M không có thiện chí để đoàn tụ. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị Th và anh M là có thật đã xảy ra từ cuối năm 2018 cho đến nay. Ngoài ra từ đó vợ chồng ly thân đến nay đã lâu nhưng anh M và chị Th cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh M ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn với anh M.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh M có 02 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 17-11-1999(Đã trưởng thành); Trần Lê Kim A, sinh năm 28/02/2003.

Nay chị Th có nguyện vọng nuôi cháu Kim A, qua xác minh cháu Kim A có nguyện vọng sống với mẹ mặc khác cháu Kim A là con gái đã 16 tuổi đang ở độ tuổi trưởng thành thì cần có sự chăm sóc gần gũi của người mẹ là phù hợp. Vì vậy nghĩ nên giao cháu Kim A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con nghĩ nên ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh Th và anh Trần Tuấn M.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thanh Th và anh Trần Tuấn M có 02 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 17-11-1999 đã trưởng thành; Trần Lê Kim A, sinh năm 28/02/2003.

Giao cháu Trần Lê Kim A cho chị Lê Thị Thanh Th tiếp tục nuôi dưỡng, Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007412 ngày 04 tháng 6 năm 2019; Chị Lê Thị Thanh Th đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-10-2019), đối với chị Lê Thị Thanh Th và anh Trần Tuấn M vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã XB.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI